CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Địa ốc First Real

Ngày 31/12/2024	5,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	12.6%	**-5.7%**	**-**

DT thuần
Q4/24
0.28
tỷ VNĐ
QoQ: ▼27.6| -99.0%
YoY: ▼54.0| -99.5%

LN thuần
Q4/24
-13.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.92| -108%
YoY: ▼25.5| -209%

LN sau thuế
Q4/24
-13.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.20| -31.5%
YoY: ▼23.0| -236%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
30.9%
YoY: +/-▼ 10.1%

ROE
2024
-3.0%
YoY: +/-▼ 4.9%

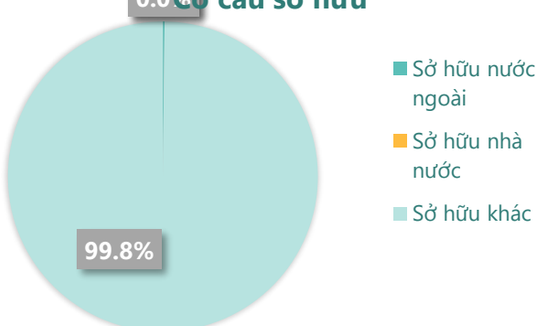
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,400 - 18,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	373
Số lượng CPLH (CP)	64,245,281
KLGD BQ 20 phiên (CP)	374,570
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.40
EPS	-349
P/E	-16.6

DT thuần
2024
69.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼98.1| -58.4%

LN thuần
2024
-16.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼43.4| -163%

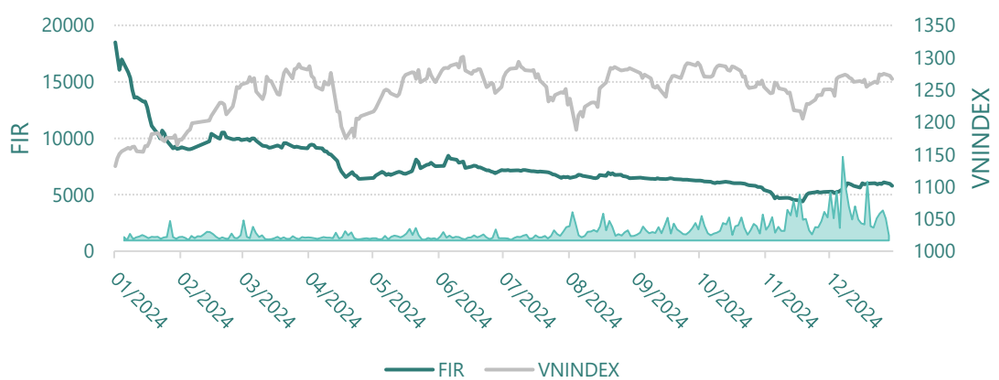
LN sau thuế
2024
-22.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼36.4| -260%

Cơ cấu sở hữu

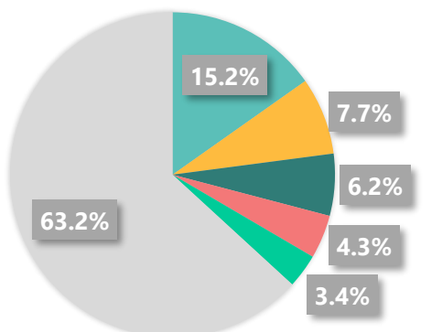


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

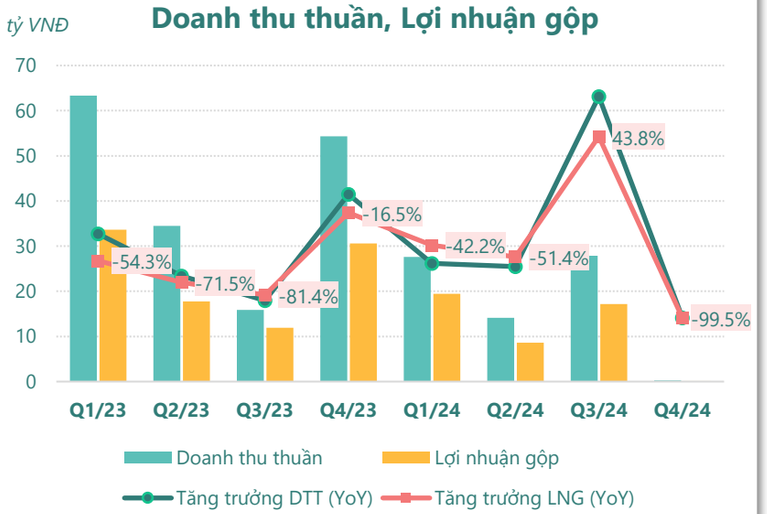


- Nguyễn Anh Tuấn (Chủ tịch HĐQT)
- Công ty TNHH Superfine
- Vũ Hoàng Việt
- Nguyễn Hào Hiệp
- Nguyễn Thế Trung (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

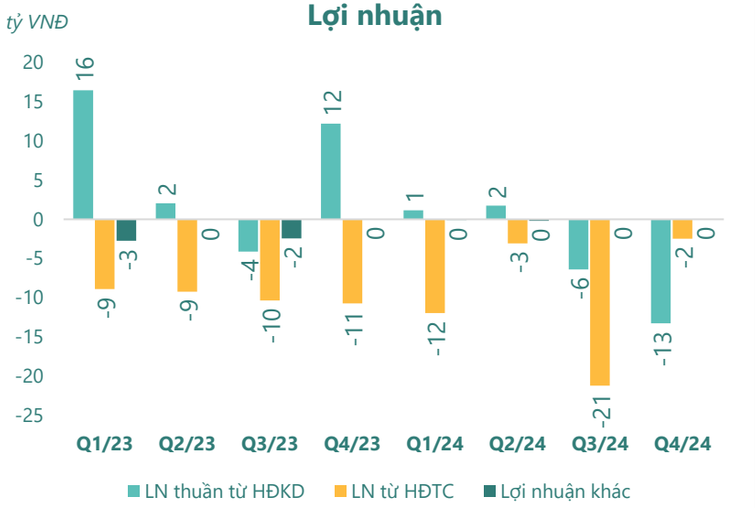
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



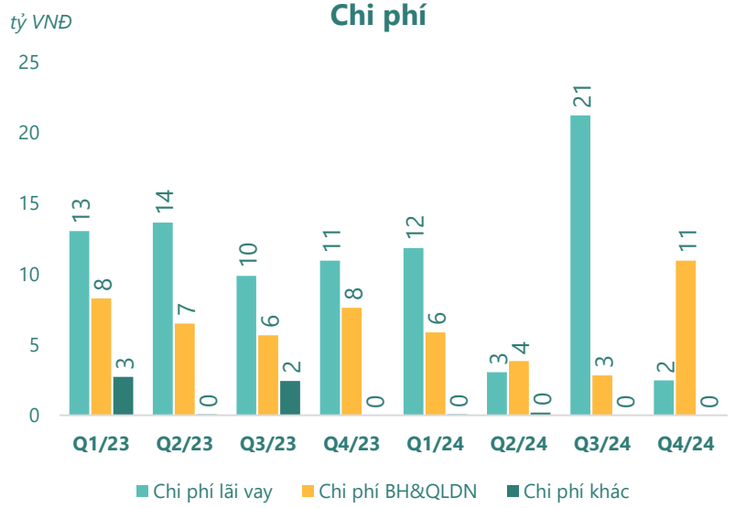
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



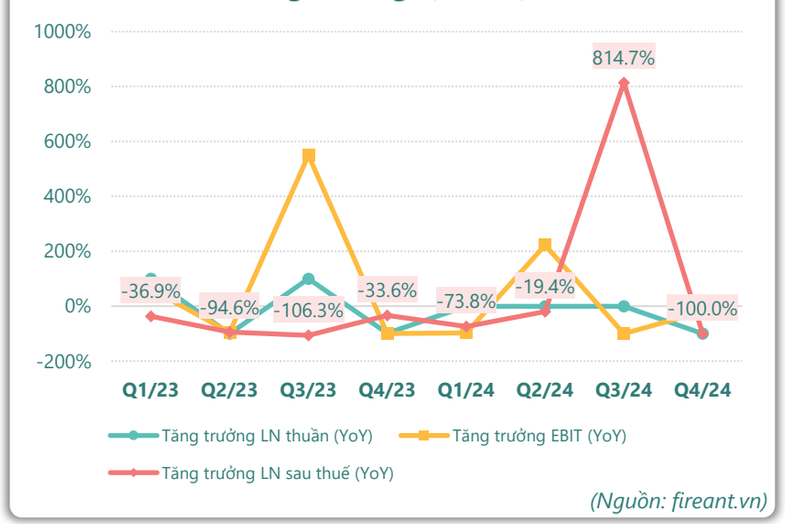
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



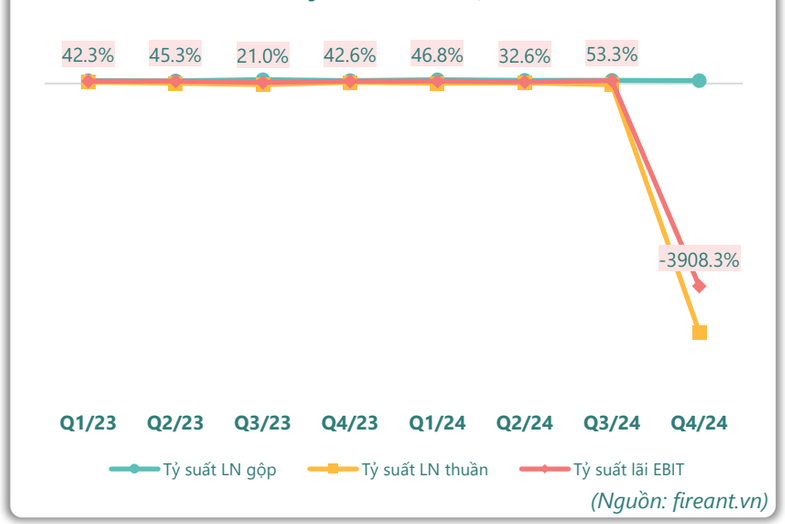
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



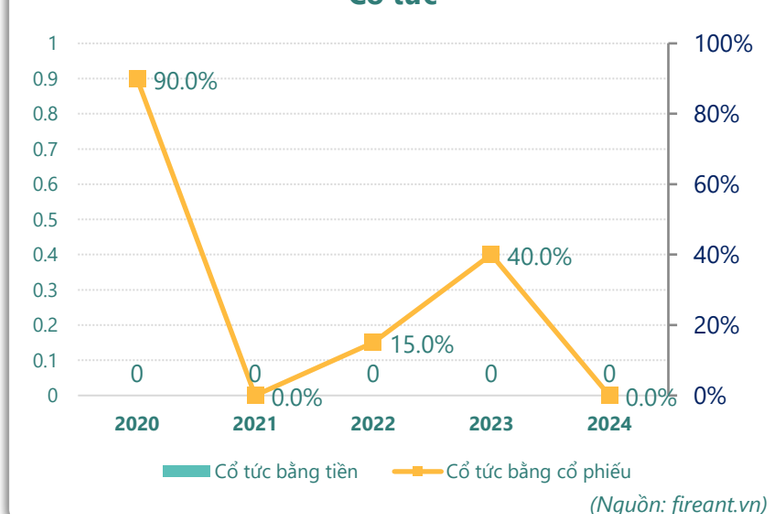
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

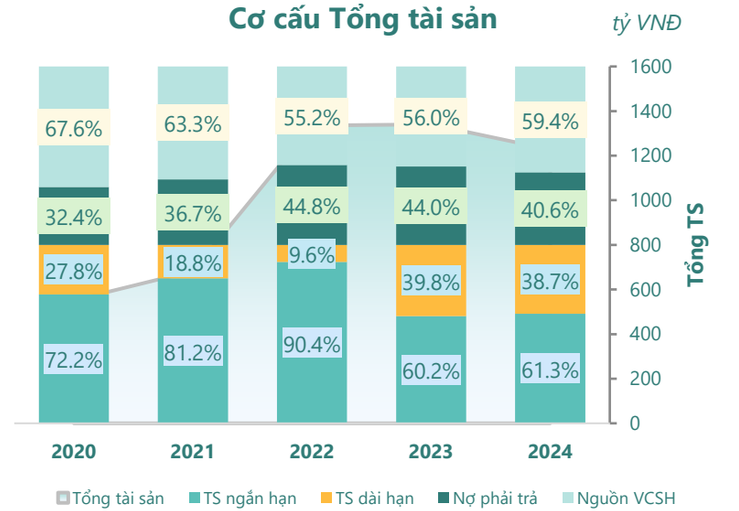
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

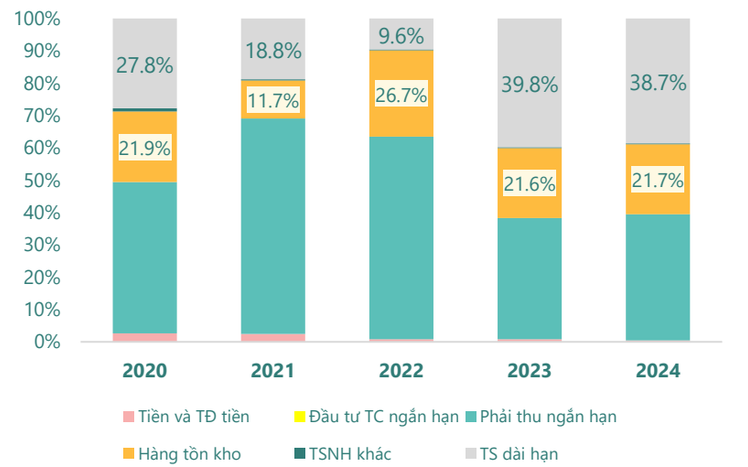
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



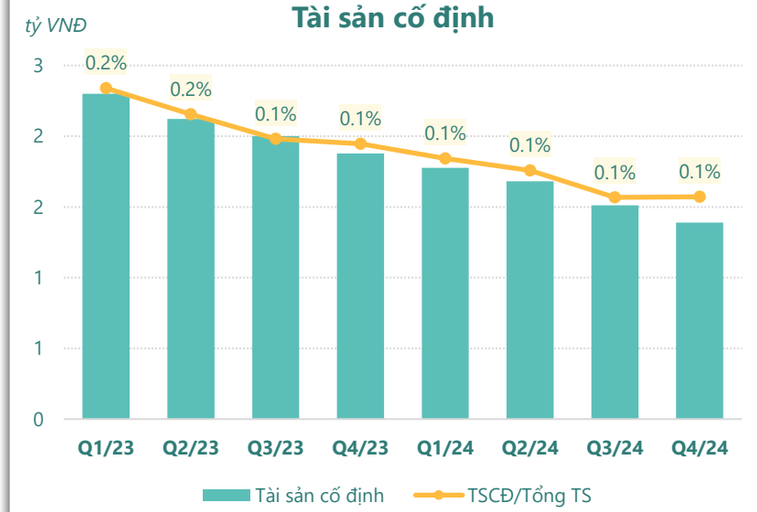
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



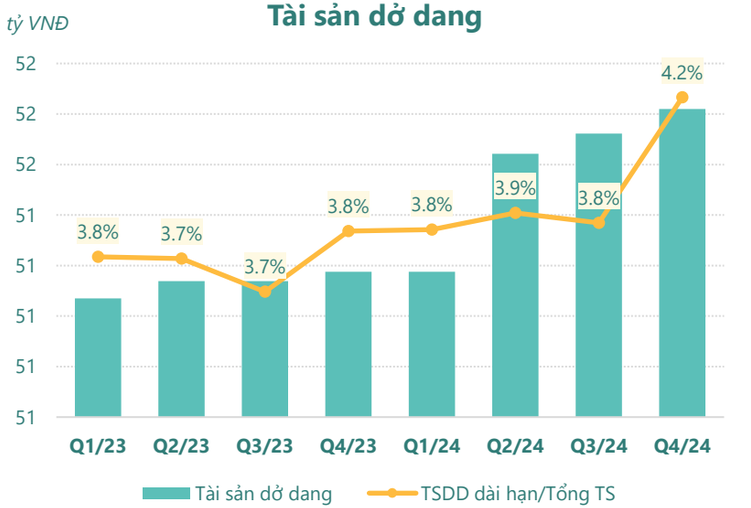
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



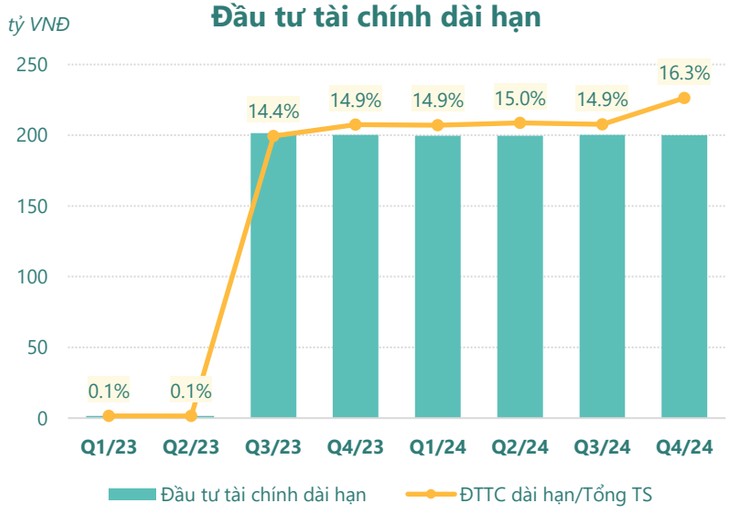
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



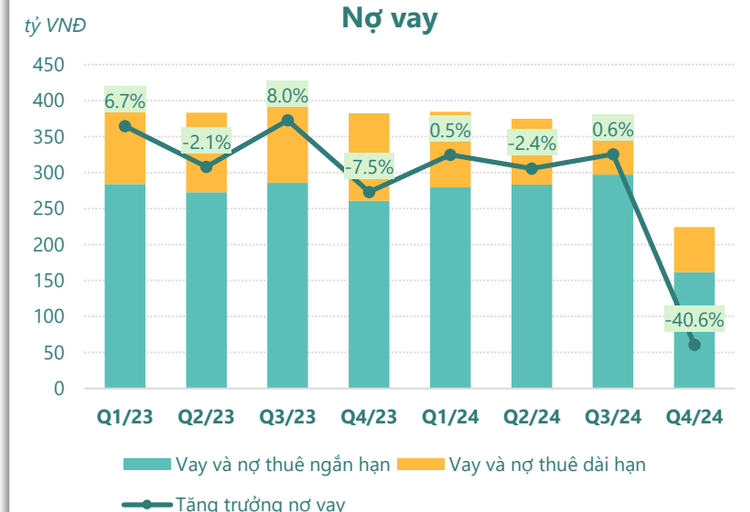
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

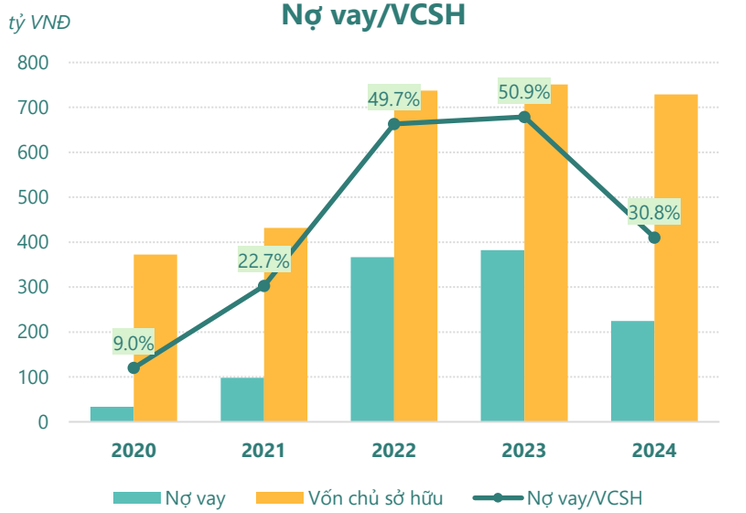
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

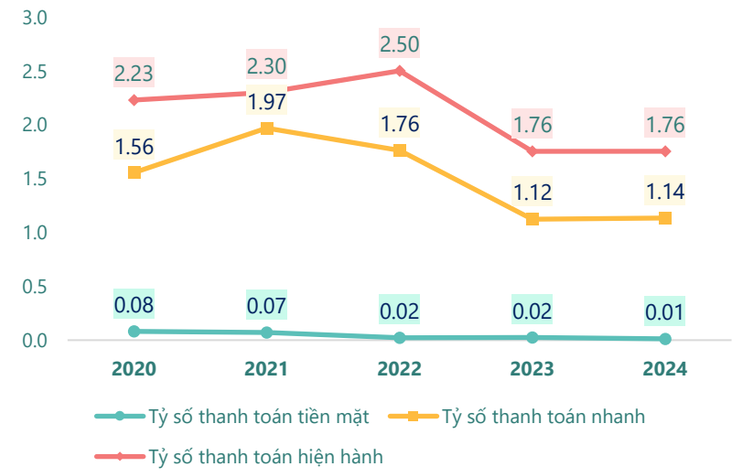
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



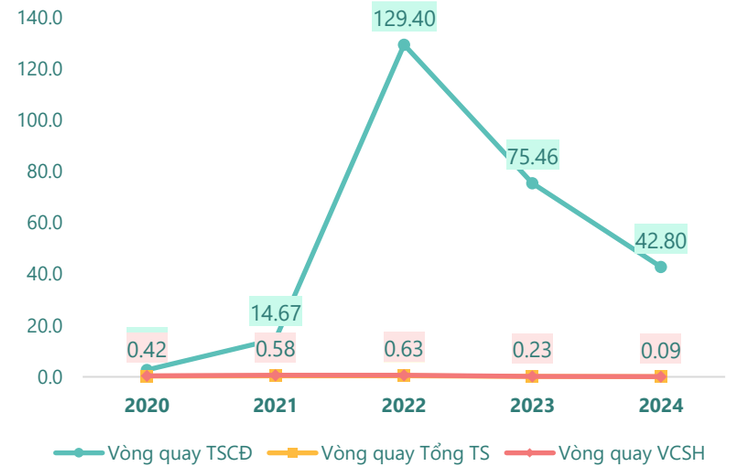
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



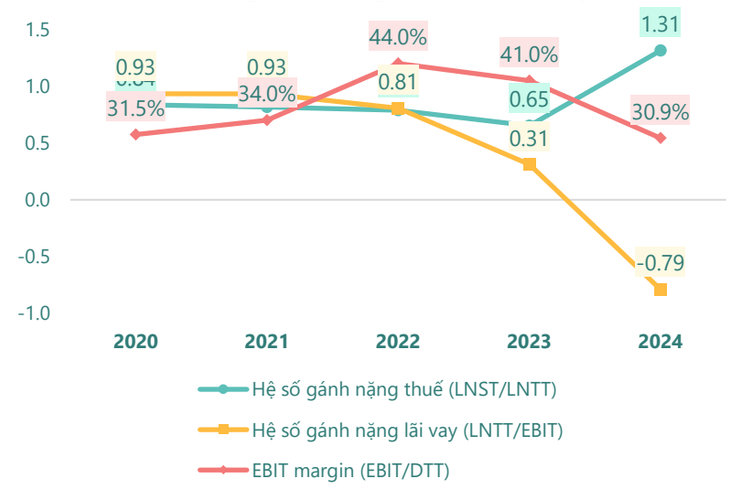
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



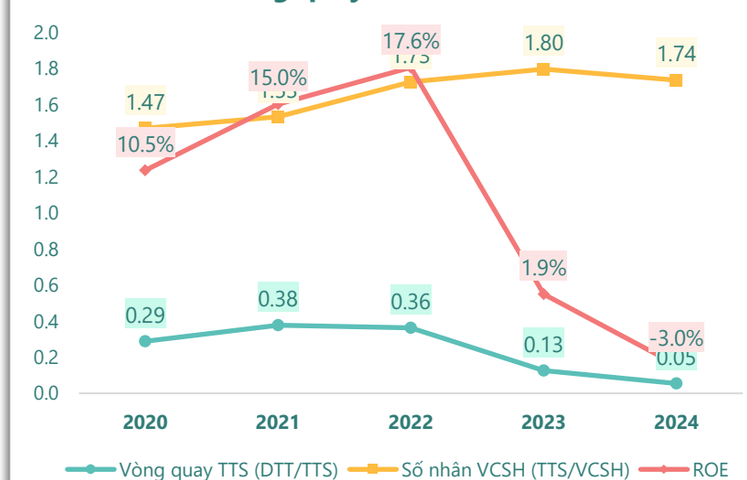
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



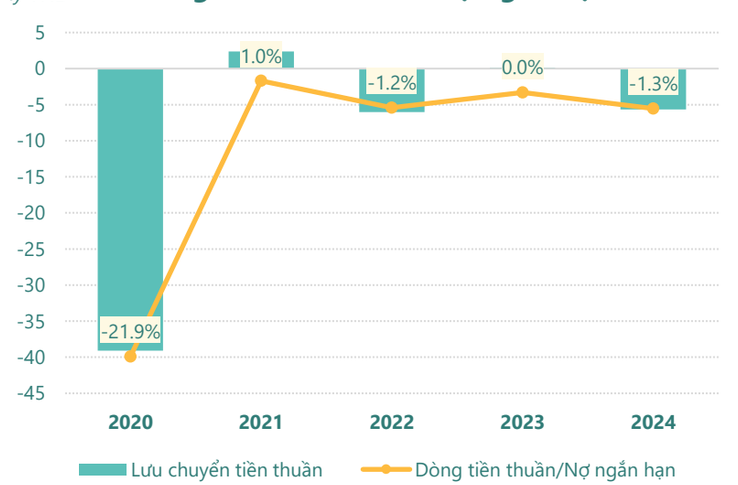
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.28**	**54.3**	**-99.5%**	**69.9**	**168**	**-58.4%**
Giá vốn hàng bán	0.13	23.8	-99.5%	24.5	74.2	-66.9%
Lợi nhuận gộp	0.15	30.6	-99.5%	45.4	93.9	-51.7%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.04	12.5	-99.7%
Chi phí TC	2.46	10.7	-77.0%	38.8	51.8	-25.1%
Chi phí lãi vay	2.46	11.0	-77.6%	38.6	47.5	-18.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.04**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.37	3.68	-89.9%	1.56	11.4	-86.3%
Chi phí QLDN	**10.6**	**3.94**	**169%**	**21.9**	**16.7**	**31.5%**
LN thuần từ HĐKD	-13.3	12.2	-209%	-16.8	26.6	-163%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**-0.01**	**4.9%**	**-0.26**	**-5.21**	**95.1%**
LN trước thuế	-13.3	12.2	-209%	-17.0	21.4	-180%
Lợi nhuận sau thuế	**-13.3**	**9.73**	**-236%**	**-22.4**	**14.0**	**-260%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-13.3**	**9.73**	**-236%**	**-22.4**	**14.0**	**-260%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	30.5	29.3	4.91	-7.16	2.63	152
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-52.8	1.58	0.00	-0.21	-0.07	0.15
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	30.5	-31.2	1.87	-9.38	2.28	-153
Tiền đầu kỳ	3.09	11.3	11.0	17.8	1.01	5.86
Lưu chuyển tiền thuần	**8.20**	**-0.30**	**6.78**	**-16.8**	**4.85**	**-0.53**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	11.3	11.0	17.8	1.01	5.86	5.32

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,227**	**1,340**	**-8.4%**
Tài sản ngắn hạn	753	806	-6.6%
Tiền và tương đương tiền	5.32	11.0	-51.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	479	503	-4.7%
Hàng tồn kho	266	290	-8.2%
Tài sản ngắn hạn khác	2.73	2.90	-5.9%
Tài sản dài hạn	**474**	**534**	**-11.1%**
Phải thu dài hạn	152	210	-27.4%
Tài sản cố định	1.39	1.88	-26.1%
Bất động sản đầu tư	57.0	57.6	-0.9%
Tài sản dở dang	51.6	51.3	0.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	200	200	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	**12.0**	**13.0**	**-7.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	499	589	-15.4%
Nợ ngắn hạn	**428**	**459**	**-6.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	161	261	-38.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.19	1.24	-3.6%
Nợ dài hạn	70.2	130	-45.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	62.8	122	-48.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**729**	**751**	**-3.0%**
Vốn chủ sở hữu	**729**	**751**	**-3.0%**
Vốn điều lệ	642	642	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)